

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST.

Ngày 26 - 10 - 2021.

V/v tranh chấp: “Kiện xin ly hôn,  
nuôi con chung”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM.**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Trữ và bà Đoàn Thị Huệ

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Hồng Liên - là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2021 về việc “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 03/2021/TB-TA ngày 27 tháng 9 năm 2021 và Thông báo thời gian mở phiên tòa số 15/2021/TB-TA ngày 15 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Trần Thị T (còn gọi là Trần Thị Huyền T), sinh năm 1987.

**\* Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Tổ 8, phường TT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa vắng mặt chị T và anh P đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, biên bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị T (còn gọi là Trần Thị Huyền T) trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn P đăng ký kết hôn vào ngày 24 tháng 10 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện TL, tỉnh Hà Nam (nay là phường TT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam) và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh P ham chơi không quan tâm đến gia đình, vợ con. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Trong thời gian sống ly thân cả hai không quan tâm đến cuộc sống

của nhau nữa. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: Chị T và anh P có 03 con chung là các cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 18/5/2008; cháu Nguyễn Trường T1, sinh ngày 13/10/2011 và cháu Nguyễn Xuân T2, sinh ngày 29/10/2013. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Trường T1 và cháu Nguyễn Xuân T2. Giao anh Nguyễn Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thành Đ. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về con riêng, con nuôi: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Hiện chị T không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Nguyễn Văn P có quan điểm: Về thời gian, địa điểm kết hôn anh Nguyễn Văn P khai như chị T đã trình bày ở trên. Anh và chị T kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm rồi mới đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Mặt khác chị T còn có quan hệ bất chính với nhiều người. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Trong thời gian sống ly thân cả hai không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị T xin ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý thuận tình ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như chị T trình bày là đúng. Khi ly hôn anh xin trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thành Đ và giao chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Trường T1 và cháu Nguyễn Xuân T2, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về con riêng, con nuôi: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

\* Quan điểm của địa P nơi chị T và anh P sinh sống: Về hôn nhân đề nghị Tòa án xem xét giải quyết nguyện vọng xin ly hôn của chị T theo pháp luật. Về con chung chị T và anh P có 03 con chung là các cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 18/5/2008; cháu Nguyễn Trường T1, sinh ngày 13/10/2011 và cháu Nguyễn Xuân T2, sinh ngày 29/10/2013. Khi ly hôn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc nuôi các con chung theo quy định pháp luật đảm bảo quyền lợi cho các cháu.

\* Nguyện vọng của cháu Nguyễn Thành Đ: Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu Đ có nguyện vọng muốn ở với bố, để bố chăm sóc và nuôi dưỡng.

\* Nguyện vọng của cháu Nguyễn Trường T1 và cháu Nguyễn Xuân T2: Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu T1 và cháu T2 có nguyện vọng muốn ở với mẹ, để mẹ chăm sóc và nuôi dưỡng.

Tại phiên toà sơ thẩm hôm nay:

Nguyên đơn chị T và bị đơn anh P vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã khai trong bản tự khai.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28; 35; 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật, tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, việc gửi các quyết định cho Viện Kiểm sát đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 28; 35; 39; 68; 144; 147; 228; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51; 55; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/NQ-QH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T (còn gọi là Trần Thị Huyền T), xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T (còn gọi là Trần Thị Huyền T) và anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: Giao chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Trường T1, sinh ngày 13/10/2011 và cháu Nguyễn Xuân T2, sinh ngày 29/10/2013 cho đến khi cháu T1 và cháu T2 đủ 18 tuổi trưởng thành tự lập được. Giao anh Nguyễn Văn P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 18/5/2008 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi trưởng thành tự lập được. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về án phí ly hôn: Các đương sự phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Văn P có hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Tổ 8, phường TT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chị Trần Thị T và bị đơn anh Nguyễn Văn P đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó việc xét xử vắng mặt chị T, anh P tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn P là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện TL, tỉnh Hà Nam (nay là phường TT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam) đảm bảo trình tự, thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T, Hội đồng xét xử thấy: Cuộc hôn nhân giữa chị T và anh P được xây dựng trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị đã chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng thời gian mười năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Do không còn tình cảm vợ chồng nên chị T và anh P đã sống ly thân. Từ năm 2017 đến nay chị T và anh P không quan tâm đến cuộc sống chung của nhau nữa cho thấy cả hai đều không còn dành tình cảm cho nhau. Chị T xin ly hôn, anh P cũng đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T xin ly hôn anh P là có căn cứ phù hợp các Điều 51, 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T (còn gọi là Trần Thị Huyền T) và anh Nguyễn Văn P.

[4] Về con chung: chị Trần Thị T (còn gọi là Trần Thị Huyền T) và anh Nguyễn Văn P có ba con chung là các cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 18/5/2008; cháu Nguyễn Trường T1, sinh ngày 13/10/2011 và cháu Nguyễn Xuân T2, sinh ngày 29/10/2013. Chị T xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu T1 và cháu T2. Anh P xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Đ. Tại biên bản tự khai cháu Đ xin được ở với bố, còn cháu T1 và cháu T2 xin được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy việc chị T nhận nuôi cháu T1 và cháu T2 phù hợp với nguyện vọng của hai cháu và anh P nhận nuôi cháu Đ phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ, nên giao chị T nuôi cháu T1 và cháu T2 và giao anh P nuôi cháu Đ là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi ích chính đáng của con chưa thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Trần Thị T (còn gọi là Trần Thị Huyền T) và anh Nguyễn Văn P không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

[5] Về tài sản và công nợ chung: Chị T và anh P không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn: Các đương sự phải nộp theo quy định pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 144; Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51; 55; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

- Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí và án phí Tòa án.

1/ Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T (còn gọi là Trần Thị Huyền T) và anh Nguyễn Văn P.

2/ Về con chung: Giao chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Trường T1, sinh ngày 13/10/2011 và cháu Nguyễn Xuân T2, sinh ngày 29/10/2013 cho đến khi cháu T1 và cháu T2 đủ 18 tuổi trưởng thành tự lập được. Giao anh Nguyễn Văn P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 18/5/2008 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi trưởng thành tự lập được. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm: chị Trần Thị T (còn gọi là Trần Thị Huyền T) phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), anh Nguyễn Văn P phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số AA/2015/0006055 ngày 27/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý. Chị T được nhận lại 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7; 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự TP Phủ Lý;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND phường Thanh Tuyền, TP Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Thị Xuyên**